



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2021/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các dự án quốc phòng- an ninh, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 5446/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua 294 dự án, bao gồm: Các dự án quốc phòng- an ninh; các dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa dưới 10 héc ta, đất rừng phòng hộ dưới 20 héc ta và đất rừng sản xuất dưới 50 héc ta trên địa bàn tỉnh với diện tích 2.896,743 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa là 1.293,137 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất là 410,373 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ là 23,18 héc ta; diện tích đất rừng đặc dụng là 03 héc ta; diện tích các loại đất khác là 1.167,053 héc ta), chi tiết từng huyện, thành, thị như sau:

- Thành phố Việt Trì 23 dự án với diện tích 421,76 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 210,92 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 16,05 héc ta; diện tích các loại đất khác 194,79 héc ta.

- Thị xã Phú Thọ 18 dự án với diện tích 149 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 51,72 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 51,51 héc ta; diện tích các loại đất khác 45,77 héc ta.

- Huyện Lâm Thao 41 dự án với diện tích 98,86 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 72,48 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 5,81 héc ta; diện tích các loại đất khác 20,57 héc ta.

- Huyện Phù Ninh 16 dự án với diện tích 45,15 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 27,54 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 1,65 héc ta; diện tích các loại đất khác 15,96 héc ta.

- Huyện Thanh Ba 35 dự án với diện tích 198,66 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 58,94 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 71,97 héc ta; diện tích các loại đất khác 67,75 héc ta.

- Huyện Đoan Hùng 11 dự án với diện tích 3,67 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 2,26 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,06 héc ta; diện tích các loại đất khác 1,35 héc ta.

- Huyện Hạ Hòa 22 dự án với diện tích 20,3 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 6,52 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 5,18 héc ta; diện tích các loại đất khác 8,6 héc ta.

- Huyện Cẩm Khê 37 dự án với diện tích 1.396,2 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 455,3 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 187,91 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ là 19,18 héc ta; diện tích các loại đất khác 733,81 héc ta.

- Huyện Yên Lập 26 dự án với diện tích 54,93 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 10,73 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 22,58 héc ta; diện tích các loại đất khác 21,62 héc ta.

- Huyện Tam Nông 16 dự án với diện tích 39,86 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 18,1 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 16,23 héc ta; diện tích các loại đất khác 5,53 héc ta.

- Huyện Thanh Thủy 13 dự án với diện tích 405,32 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 369,72 héc ta; diện tích các loại đất khác 35,6 héc ta.

- Huyện Thanh Sơn 15 dự án với diện tích 27,85 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 2,05 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 20,98 héc ta; diện tích các loại đất khác 4,82 héc ta.

- Huyện Tân Sơn 16 dự án với diện tích 33,81 héc ta, trong đó: Diện tích đất trồng lúa 6,56 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 10,42 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 4 héc ta; diện tích đất rừng đặc dụng 3 héc ta; diện tích các loại đất khác 9,83 héc ta.

- Các dự án xây dựng công trình điện trên địa bàn các huyện, thành, thị là 05 dự án với diện tích 1,369 héc ta (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa 0,293 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,023 héc ta và diện tích các loại đất khác 1,053 héc ta).

(Chi tiết có các biểu số 01 và biểu số 1.1 đến 1.14 kèm theo).

Điều 2. Thông qua chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang các mục đích khác

Tổng số **83 dự án**, với diện tích **544,413 héc ta** (Trong đó: Diện tích đất rừng sản xuất là 526,653 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ là 17,76 héc ta).

(Chi tiết có biểu 02 kèm theo)

Điều 3. Thông qua dự án cho chuyển tiếp thực hiện từ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh

Tổng số **82 dự án** với tổng diện tích **619,966 héc ta** (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa là 245,72 héc ta, diện tích đất rừng sản xuất là 65,67 héc ta; diện tích các loại đất khác là 308,576 héc ta) để tiếp tục thực hiện.

(Chi tiết có biểu 03 kèm theo)

Điều 4. Thông qua danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, địa bàn thực hiện và tên dự án tại các nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đang còn hiệu lực

Tổng số **36 dự án** phải điều chỉnh bổ sung với diện tích **1.003,664 héc ta** (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa là 244,817 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất

là 449,77 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ là 17,7 héc ta và diện tích các loại đất khác là 291,376 héc ta), gồm:

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 29/3/2019: 01 dự án với diện tích 1,38 héc ta (diện tích đất trồng lúa 0,06 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 1,32 héc ta).

- Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019: 02 dự án với diện tích 2,99 héc ta (diện tích đất trồng lúa 2,28 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,6 héc ta; diện tích các loại đất khác 0,11 héc ta).

- Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019: 06 dự án với diện tích 10,495 héc ta (diện tích đất trồng lúa 6,865 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,21 héc ta; diện tích các loại đất khác 3,42 héc ta).

- Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04/3/2020: 01 dự án với diện tích 21,67 héc ta (diện tích đất trồng lúa 9,92 héc ta; diện tích các loại đất khác 11,75 héc ta).

- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020: 08 dự án với diện tích 544,95 héc ta (diện tích đất trồng lúa 96,06 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 320,9 héc ta; diện tích các loại đất khác 127,99 héc ta).

- Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020: 07 dự án với diện tích 209,18 héc ta (diện tích đất trồng lúa 41,94 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 78,11 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 17,7 héc ta; diện tích các loại đất khác 71,43 héc ta).

- Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021: 01 dự án với diện tích 1,13 héc ta (diện tích đất rừng sản xuất 0,22 héc ta; diện tích các loại đất khác 0,91 héc ta).

- Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021: 10 dự án với diện tích 211,869 héc ta (diện tích đất trồng lúa 87,692 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 48,41 héc ta; diện tích các loại đất khác 75,766 héc ta).

(Chi tiết có biểu 04 kèm theo).

Điều 5. Thông qua các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận

Tổng số có **10 dự án** với tổng diện tích **1.007,43 héc ta** (Trong đó: Diện tích đất trồng lúa là 714,65 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất là 62,5 héc ta; diện tích các loại đất khác 230,28 héc ta).

(Chi tiết có biểu 05 kèm theo).

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện trong năm 2018 thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ TN&MT);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Trung tâm CNTT và TT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu VT, CTHĐND (T).

CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu